

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 142/2024/HS-ST
Ngày 17-7-2024

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Quyết Thắng và ông Lý A Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 141/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Vừ A D**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1971, tại **huyện T, tỉnh Điện Biên**; nơi cư trú: **Bản Thảm Táng, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên**; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vừ A S** (Đã chết) và bà **Ly Thị C**, sinh năm 1935; có vợ là **Sùng Thị S1**, sinh năm 1982; bị cáo có 11 người con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị ra xét xử, chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/4/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người phiên dịch cho bị cáo: Ông **Giàng A T**

Địa chỉ: **Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên**, có mặt

2. Nguyên đơn dân sự: Cộng đồng Dân cư bản Thảm Mú, **xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên**.

Người đại diện: Ông **Vừ A D1** - Trưởng **Bản Thảm M, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên**, có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Hạng A T1**

Chức vụ: Phó Hạt Trưởng Phụ trách **Hạt K huyện T, tỉnh Điện Biên**, vắng mặt có lý do.

4. Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Phùng Việt H**, là luật sư **Văn P** Luật sư **Phùng Việt H**

Địa chỉ: **Số nhà A, tổ dân phố số F, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có đất làm nương, nên khoảng tháng 6 năm 2023, **Vừ A D**, trú tại bản **Thảm Táng, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên**, mang theo 01 con dao quắm có chiều dài 58 cm, đi bộ đến khu vực rừng (theo tiếng địa phương là **Háng Phi P1**), thuộc **Tiểu khu E**, khoảnh 11 là khu vực rừng phòng hộ được giao cho cộng đồng bản **Thảm Mú, xã P, huyện T** quản lý, bảo vệ trông coi từ năm 2014 theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND tỉnh **Đ** ngày 21/12/2018 và QĐ 1281/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của **UBND huyện T** về việc giao rừng gắn với đất nông nghiệp. Hàng năm cộng đồng bản đều được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng. **Vừ A D** quan sát khu rừng chỉ có cây chuối và cây dây leo, không có cây gỗ, **D** đã dùng dao quắm chặt, phát cây liên tục trong một buổi sáng thì dừng lại. Đến cuối tháng 10 năm 2023, khi **D** đang ở nhà tại **bản T, xã P** thì có hai người nam giới, giới thiệu ở tỉnh Sơn La, không nói địa chỉ cụ thể đến hỏi **D** có nhu cầu san ủi làm mặt bằng hay không, **D** nói có 01 (một) mảnh đất muốn san để làm ruộng và thuê hai người này san ủi với giá 25.000.000 đồng, hai người nam giới đồng ý và san ủi diện tích rừng 3.865 m² **D** đã chặt hạ trước đó trong thời gian 03 ngày thì xong, **D** trả trước 1.000.000 đồng, số tiền còn lại **D** chưa thanh toán thì bị Hạt kiểm lâm **huyện T** phát hiện hành vi hủy hoại rừng của **Vừ A D**.

Ngày 22/12/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra, **Công an huyện T** đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định diện tích rừng bị chặt phá là 3.865 m².

Tại bản kết luận số 03/KL-GĐ ngày 04/3/2024 của **Chi cục kiểm lâm tỉnh Đ** kết luận: Diện tích 3.865 m² nằm trong **Tiểu khu E, khoảnh A**, khu vực rừng bản **Thảm Mú, xã P**, bị cáo **D** đã chặt hạ là rừng tự nhiên, loại rừng phòng hộ. Diện tích rừng bị chặt phá là 3.865 m² nằm trong diện tích rừng đã được giao cho Cộng đồng dân cư bản **Thảm Mú, xã P, huyện T** quản lý

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-ĐGTS ngày 21/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự **huyện T** kết luận: Khu rừng phòng hộ bị chặt phá có diện tích 3.865m² nằm trong diện tích rừng được giao cho Cộng đồng dân cư bản **Thảm Mú, xã P, huyện T** quản lý, Hội đồng định giá không có cơ sở để xác định giá trị của diện tích rừng bị chặt phá do không đủ cơ sở kết luận vì hiện trạng đã bị san ủi thành từng đám ruộng.

Tại Công văn số 942/UBND - TNMT ngày 07/6/2024 của **Ủy ban nhân dân huyện T**, tỉnh Điện Biên trả lời về việc xác định giá trị thiệt hại về môi trường: Do không có cơ sở dữ liệu về môi trường, cơ sở vật chất, con người, phương tiện kỹ

thuật. Đồng thời UBND tỉnh Đ chưa có quy định, định mức xác định để trồng phục hồi rừng để phục vụ công tác nên chưa có cơ sở, căn cứ để xác định mức độ thiệt hại môi trường theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn dân sự: Đại diện là ông **Vừ A D1** - **Trưởng B, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên**: Năm 2014 Ủy ban nhân dân huyện T đã lập hồ sơ giao đất giao rừng về việc giao diện tích đất rừng phòng hộ tại bản Thẩm Mú, **xã P, huyện T** cho cộng đồng bản Thẩm Mú, **xã P, huyện T** quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Quá trình được giao đất giao rừng, Cộng đồng Dân cư bản Thẩm Mú, **xã P, huyện T** đã thực hiện việc quản lý bảo vệ và phát triển rừng và chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho người dân đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do địa bàn rừng bị chặt phá cách khá xa khu trung tâm, nằm trong khu vực bị khuất nên việc trông coi, bảo vệ còn chưa được thường xuyên nên dẫn tới việc vi phạm pháp luật trên.

Về trách nhiệm dân sự: Theo hiện trạng rừng trước khi bị chặt phá chủ yếu là cây chuối, cây thảm cỏ, không có cây gỗ và các cây lâm sản phụ khác nên Cộng đồng dân cư bản Thẩm Mú không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác. Tuy nhiên sau khi bị khởi tố bắt tạm giam, bị cáo đã tự nguyện tác động cho gia đình bị cáo trông xong lại diện tích bị chặt phá trên, ông **D1** đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại đơn xét xử vắng mặt: Ông: **Hạng A** trình bày: Ông không có ý kiến gì về quá trình điều tra, truy tố và việc xét xử đối với bị cáo. Căn cứ Kết luận giám định 03/KL-GĐ ngày 04/3/2024 của **Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đ** kết luận: Diện tích 3.865 m² nằm trong **Tiểu khu E, khoảnh A**, khu vực rừng bản Thẩm Mú, **xã P** mà bị cáo **D** đã chặt hạ là rừng tự nhiên, loại rừng phòng hộ. Đại diện cơ quan kiểm lâm đề nghị xét xử bị theo đúng quy định của pháp luật nhằm ngăn ngừa các hành vi vi phạm tương tự trên địa bàn.

Tại bản Cáo trạng số: 100/CT-VKS-TG ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo truy tố bị cáo **Vừ A D** về tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Vừ A D** phạm tội: “*Hủy hoại rừng*”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Vừ A D** từ 01 (một) năm 06 tháng đến 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian tạm giam bị cáo theo quy định.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự với bị cáo.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

Áp dụng Điều 99 và Điều 100 Luật Thi hành án hình sự đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo không tự bào chữa cho hành vi của mình, nhờ người bào chữa, bào chữa cho bị cáo.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa: Nhất trí với bản Cáo trạng và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhất trí với việc đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Tuy nhiên người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét thêm các tình tiết về nhân thân bị cáo là người dân tộc thiểu số gia đình đông con, hoàn cảnh gia đình thuộc diện hộ nghèo, bị cáo không biết chữ. Đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với lý do nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ những căn cứ trên để áp dụng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Bị cáo không bổ sung gì vào lời bào chữa.

Đại diện Viện kiểm sát không nhất trí áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do rừng phòng hộ là tài sản nhà nước nên đại diện nguyên đơn dân sự không có quyền đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm, không tranh luận gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Bị cáo không có quan điểm tranh luận.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2023, tại Tiểu khu E, khoảnh 11 thuộc khu vực rừng phòng hộ thuộc bản Thảm Mú, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên, Vừ A D đã thực hiện hành vi hủy hoại

3.865 m² rừng phòng hộ, do cộng đồng bản Thảm Mú, xã P, huyện T quản lý, bảo vệ, nhằm mục đích để làm nương phục vụ cuộc sống gia đình bị cáo.

Hành vi của bị cáo được chứng minh bằng: Biên bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm (BL 32); biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; kết luận giám định, kết luận định giá tài sản (BL từ 72 - 114 và BL 117) và lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, lời khai của những người được triệu tập tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội: “*Hủy hoại rừng*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến quy định của Nhà nước về khai thác, quản lý, bảo vệ rừng và lâm sản mà còn xâm phạm đến sự ổn định bền vững của môi trường sinh thái.

Từ những phân tích trên, HĐXX khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo **Vũ A D** đã hủy hoại 3.865 m² rừng phòng hộ vi phạm vào điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự với mức hình phạt từ phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm tù. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Tuy nhiên HĐXX cũng nhận thấy, tập quán phá rừng làm nương của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng cao, vùng sâu, vùng xa đã có từ rất lâu đời, bị cáo là người dân tộc Mông sống ở vùng cao, sinh nhiều con do thiếu đất sản xuất nên đã trực tiếp phá rừng, mặc dù đã được chính quyền địa phương tuyên truyền về chính sách bảo vệ và phát triển rừng song vì mưu sinh nên nhất thời phạm tội không nhằm mục đích khác. Công tác tuyên truyền Luật bảo vệ và phát triển rừng của các cấp chính quyền có triển khai song chưa thực sự có hiệu quả, một phần do nhận thức của người dân còn hạn chế về hậu quả có thể xảy ra đối với môi trường. Mặt khác việc lơ là trong việc quản lý, giám sát và bảo vệ rừng đặc biệt là rừng phòng hộ của cơ quan quản lý và bảo vệ rừng, của cộng đồng dân cư bản Thảm Mú cũng là một trong những nguyên nhân dẫn tới bị cáo phạm tội.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo cam kết nếu được HĐXX xem xét cho cải tạo ngoài xã hội sẽ chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật thi hành án hình sự đối với người chấp hành án ngoài cộng đồng. Ngoài lần phạm tội này bị cáo đều chưa bị kết án về tội danh nào khác, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

- *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối lỗi nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo

đã tự giác tác động gia đình khắc phục hậu quả là trồng lại toàn bộ diện tích rừng bị cáo đã chặt phá cho chủ rừng, đã được chủ rừng kiểm tra và có xác nhận của chính quyền địa phương nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét về nhân thân đối với bị cáo: Bị cáo là người dân tộc H'Mông sinh ra và lớn lên tại **huyện T, tỉnh Điện Biên** sinh sống trên địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bản thân không biết chữ, nhận thức pháp luật vẫn có phần còn hạn chế.

Hội đồng xét xử căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo. Bị cáo phạm tội trong hoàn cảnh với đặc thù tập quán phá nương làm rẫy của đồng bào dân tộc Mông vì mục đích mưu sinh và thái độ ăn ăn hối lỗi, đã khắc phục hậu quả xảy ra, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi môi trường xã hội dưới sự cưỡng chế của nhà nước mà cần áp dụng hình phạt phù hợp là cải tạo không giam giữ cũng đủ sức dẫn dắt giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Tuy nhiên việc người bào chữa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có căn cứ chấp nhận bởi phần diện tích rừng phòng hộ thuộc sở hữu nhà nước nên nguyên đơn dân sự không có quyền xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584; Điều 585 của Bộ luật Dân sự: Bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật. Tuy nhiên theo Công văn số 942/UBND - TNMT ngày 07/6/2024 của **Ủy ban nhân dân huyện T**, tỉnh Điện Biên trả lời về việc xác định giá trị thiệt hại về môi trường: Chưa có cơ sở, căn cứ để xác định mức độ thiệt hại môi trường theo quy định của pháp luật. Tại bản Kết luận định giá tái sản số 19/KL-ĐGTS ngày 21/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản cũng không xác định được giá trị của diện tích rừng bị chặt phá. Mặt khác hiện trạng khu rừng trước khi bị san ủi, chặt phá chỉ có cây chuối và cây dây leo, không có cây gỗ nên thiệt hại về vật chất là không lớn, chủ rừng cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt. Mặc dù chủ rừng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường là không đúng quy định của pháp luật nhưng cũng là một yếu tố để HĐXX xem xét. Hội đồng xét xử không có căn cứ buộc bị cáo phải bồi thường

[5] Về biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo **Vừ A D:** Áp dụng Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Đối với hai người đàn ông lái máy xúc, bị cáo đã thuê san ủi 3.865 m² rừng phòng hộ, do bị cáo **D** không biết tên, địa chỉ cụ thể nên cơ quan Cảnh sát Điều tra không có căn cứ điều tra làm rõ được, Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý trong vụ án. Đối với cộng đồng dân cư bản Thẩm Mú, **xã P, huyện T** và cán bộ kiểm lâm thuộc Hạt kiểm lâm **huyện T** được giao quản lý bảo vệ rừng phòng hộ đã để xảy ra việc **Vừ A D** hủy hoại rừng, quá trình điều tra, xác minh xác định cộng đồng dân cư

bản Thẩm Mú và cán bộ kiểm lâm mặc dù chưa có sự sâu sát do địa bàn rộng song cơ bản cũng đã thực hiện đúng trách nhiệm được giao nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý.

[6] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự và việc khấu trừ thu nhập theo khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự và có thể bị khấu trừ một phần thu nhập theo khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự: HĐXX xét thấy bản thân bị cáo nghề nghiệp chỉ làm nương, gia đình đông con, thuộc hộ nghèo nên việc áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền và khấu trừ thu nhập sẽ không có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 con dao găm là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo thuộc diện được miễn án phí, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Vừ A D** phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Vừ A D**: 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian tạm giam 105 ngày tạm giam quy đổi thành 315 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành 07 (Bảy) tháng 20 (Hai mươi ngày) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành án của bị cáo tính từ ngày cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được Quyết định thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Áp dụng Điều 99 và Điều 100 Luật Thi hành án hình sự đối với bị cáo:

Giao bị cáo **Vũ A D** cho **Ủy ban nhân dân xã P, huyện T** giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo **Vũ A D** có trách nhiệm phối hợp với **UBND xã P** trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ, bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự.

Trường hợp người chấp hành án vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo. Áp dụng Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm dài khoảng 58 cm cả cán, phần lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 21 cm có một đầu nhọn quắm lại, phần quắm lại dài khoảng 05 cm, phần rộng nhất của lưỡi dao dài khoảng 3,8 cm, phần hẹp nhất dài khoảng 03 cm. Phần cán dao bằng gỗ hình trụ tròn dài khoảng 37 cm, đường kính khoảng 03 cm, dao cũ đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng đã được **Công an huyện T** bàn giao cho Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo hồi 16 giờ 45 phút ngày 05/7/2024)

5. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585 Bộ luật Dân sự. Bị cáo không phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự.

6. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 17/7/2024; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết; nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo phần Bản án về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 17/7/2024./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan Điều Tra, nhà tạm giữ, bộ phận HSNV - Công an huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo, người bào chữa;
- Nguyên đơn dân sự, người có QLNVLQ;
- UBND xã P, huyện Tuần Giáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lê Đình Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Quyết Thắng

Lý A Thu

Lê Đình Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- CQTHAHS – Công an tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo, người bào chữa;
- Nguyên đơn dân sự, người có QLNVLQ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng A Tăng